

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Số: **64/2021/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 2753/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: Tổ 10, khu phố P, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1993.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992 và anh Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1993 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Ngọc Th, giao 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Nguyên K, sinh ngày 15/9/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc Th cấp dưỡng nuôi con mỗi mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh Th được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản anh Th thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Th không cấp dưỡng nuôi con số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Chị Trần Thị T tự nguyện nộp 150.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số 0007788 ngày 16/12/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hải Thị Liễu